

Bản án số: 3937/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 9 - 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước

2. Bà Phạm Thị Ngọc Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 120/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/02/2023, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5406/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 5980/2023/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Mỹ D**, sinh năm: 1959;

Địa chỉ thường trú: **Tổ E, khu phố F, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.**

Địa chỉ liên lạc: **436B/71A/18, đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm: 1960;

Địa chỉ: **G Phố Đ, A N, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà **Lê Thị Mỹ D** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng tại Đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2022, bản tự khai trình bày:*

Bà và ông **B** tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1987, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 86/87, quyển số 001 ngày 03/11/1987. Thời gian đầu chung sống, hai bên rất hạnh phúc. Sau này, hai bên thường xuyên gây gổ

do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn tình cảm, mặc dù bà đã cố hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Hiện nay, cả hai đã không còn chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm lẫn nhau. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông **Nguyễn Thanh B** vì không còn tình cảm.

Về con chung: Bà và ông **B** có 02 con chung tên **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 22/10/1988 và **Nguyễn Thanh T1**, sinh ngày 30/12/1992. Nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: **T2** khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông **Nguyễn Thanh B** vắng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Lê Thị Mỹ D** được ly hôn với bị đơn ông **Nguyễn Thanh B**.

- Về con chung: Các con chung tên **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 22/10/1988 và **Nguyễn Thanh T1**, sinh ngày 30/12/1992 đã trưởng thành nên muốn ở với ai tùy ý.

- Về tài sản chung: Hai bên khai tự giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà **Lê Thị Mỹ D** khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà **Lê Thị Mỹ D** xin ly hôn ông **Nguyễn Thanh B**, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông **Nguyễn Thanh B** hiện đang cư trú tại **thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp của vợ chồng. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm sát việc tuân theo pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông **Nguyễn B** nhưng ông **B** vắng mặt không có lý do, cụ thể:

Ngày 22/03/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý số 120/TB – TLVA ngày 18/10/2022, giấy triệu tập đương sự ngày 17/03/2023 tại **số nhà G Phố Đ (2 đường Đ), A N, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**; Trụ sở Ủy ban nhân dân phường C; Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu ông **Nguyễn Thanh B** có mặt tại Tòa án vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 10/4/2023 để cung cấp lời khai;

Ngày 12/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự ngày 07/6/2023 tại **số nhà G Phố Đ (2 đường Đ), A N, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**; Trụ sở Ủy ban nhân dân phường C; Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu ông **Nguyễn Thanh B** có mặt tại Tòa án vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 03/7/2023 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải;

Ngày 25/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự ngày 21/7/2023 tại **số nhà G Phố Đ (2 đường Đ), A N, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**; Trụ sở Ủy ban nhân dân phường C; Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu ông **Nguyễn Thanh B** có mặt tại Tòa án vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 11/8/2023 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải;

Ngày 21/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5406/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 18/8/2023, giấy triệu tập đương sự ngày 18/8/2023 tại **số nhà G Phố Đ (2 đường Đ), A N, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**; Trụ sở Ủy ban nhân dân phường C; Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu ông **Nguyễn Thanh B** có mặt tại Tòa án vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 08/9/2023 để tham gia phiên tòa;

Ngày 15/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên tòa số 5980/2023/QĐST – HNGĐ ngày 08/9/2023, giấy triệu tập đương sự ngày 08/9/2023 tại **số nhà G Phố Đ (2 đường Đ), A N, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**; Trụ sở Ủy ban nhân dân phường C; Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu ông **Nguyễn Thanh B** có mặt tại Tòa án vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 26/9/2023 để tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn bà **Lê Thị Mỹ D** có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông **Nguyễn Thanh B** vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm a, b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà **Lê Thị Mỹ D** và ông **Nguyễn Thanh B**.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ D yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thanh B, Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 1987, bà D và ông B tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A Quận E Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 86/87, quyển số 001 ngày 03/11/1987. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của bà D và ông B được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà D xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc cho cả hai vợ chồng, mục đích hôn nhân cũng không đạt được, hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm nên không tìm được tiếng nói chung của vợ chồng. Bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B. Bị đơn ông B vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà D và ông B tại Ủy ban nhân dân phường C và kết quả trả lời với nội dung: Đối với mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Mỹ D và ông Nguyễn Thanh Bình địa p chưa tiếp nhận đơn thư về mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị Mỹ D nên việc ông, bà có gây gỗ, có bất đồng hay không Ủy ban nhân dân phường không nắm rõ. Trong quá trình giải quyết hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng yêu cầu bà D và ông B có mặt để cung cấp lời khai, tham gia hòa giải để Tòa án động viên hai bên suy nghĩ, nhìn nhận lại tình cảm vợ chồng, bỏ qua mọi thiếu sót để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng ông B vẫn vắng mặt không lý do, phía bà D xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Như vậy, cho thấy cả hai đã không còn thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình cũng như duy trì mối quan hệ hôn nhân này. Phía bà D cho rằng cả hai đã không còn chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống, cả hai không còn quan tâm lẫn nhau. Như vậy mục đích hôn nhân của bà D và ông B không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định giữa bà D và ông B không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ D được ly hôn ông Nguyễn Thanh B.

- Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà D và tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Bà D và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 22/10/1988 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 30/12/1992, Hội đồng xét xử xét thấy: cả hai con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là có cơ sở.

- Về tài sản chung: Bà D khai tài sản chung tự thỏa thuận, ông B không có ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở và phù hợp với các quy định pháp luật nên được chấp nhận.

- Về nợ chung: Bà D khai không có, ông B không có ý kiến về phần nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân

thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở và phù hợp với các quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Do nguyên đơn bà **Lê Thị Mỹ D** là người cao tuổi và có đơn xin miễn, giảm án phí nên bà **D** không phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 và Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Lê Thị Mỹ D** về việc ly hôn: Bà **Lê Thị Mỹ D** được ly hôn ông **Nguyễn Thanh B** (Giấy chứng nhận kết hôn số 86/87, quyền số 001 ngày 03/11/1987 tại **Ủy ban nhân dân Phường A Quận E Thành phố Hồ Chí Minh** không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án phát sinh hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Các con chung tên **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 22/10/1988 và **Nguyễn Thanh T1**, sinh ngày 30/12/1992 đã trưởng thành nên muốn ở với ai tùy ý.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà **Lê Thị Mỹ D** tự khai không có.

2. Án phí ly hôn: Bà **Lê Thị Mỹ D** là người cao tuổi và có đơn xin miễn, giảm án phí nên bà **D** không phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà **Lê Thị Mỹ D**, ông **Nguyễn Thanh B** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Hà Thị Hoài